

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số
05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Việt -
Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần Thơ số 27/2024/CV-Pro
ngày 01 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
302/TTr-STNMT ngày 04 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc -
Chi nhánh Proconco Cần Thơ, địa chỉ tại Lô 13, 14 Khu công nghiệp Trà Nóc 1,
phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt
động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản thuộc
Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần
Thơ” tại Lô 13, 14 Khu công nghiệp Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy,
thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản thuộc Công ty Cổ phần
Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần Thơ”.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại Lô 13, 14 Khu công nghiệp Trà Nóc 1, phường
Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 3600234534-015 do Phòng
Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 24

tháng 3 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3600234534-015.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy hải sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 45.304 m²;

- Công suất thiết kế: 200.000 tấn sản phẩm/năm, trong đó thức ăn cho cá công suất 197.000 tấn sản phẩm/năm và thức ăn cho tôm công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm;

- Tổng vốn đầu tư: 273.000.000.000 đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần Thơ

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần Thơ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ..1.3... tháng 02 năm 2025 đến ngày ..1.3... tháng 02 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./. *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ TN và MT;
- CT UBND TP;
- UBND quận Bình Thủy;
- Cty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần Thơ;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu VT. *vk*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiển



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần Thơ đã thực hiện đầu nối nước thải của cơ sở vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trà Nóc theo Hợp đồng đầu nối số 01/HĐ/XLNT.KCN ngày 17 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần Thơ.

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt 18 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải nhiễm dầu tối đa 01 m³/lần phát sinh (tần suất 02 tuần/lần).
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh tối đa 11 m³/ngày gồm nước thải phát sinh từ khu vực lò hơi (gồm nước xả đáy lò hơi khoảng 03 m³/ngày và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi khoảng 08 m³/lần/quý).

2. Dòng nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau khi dẫn về về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 20 m³/ngày, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Trà Nóc. Tọa độ vị trí xả thải: X = 1117774, Y = 0577477 (hệ tọa độ VN2000).
- Dòng nước thải 02: Nước thải sản xuất (gồm nước thải từ lò hơi, từ hệ thống xử lý khí thải và nước thải sau hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu) được xử lý tập trung tại hệ thống xử lý nước thải 35 m³/ngày của cơ sở sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Trà Nóc. Tọa độ vị trí xả thải: X = 1117936, Y = 0577624 (hệ tọa độ VN2000).

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 29 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý được dẫn tự chảy bằng đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Trà Nóc.

2.2.2. Chất lượng nước thải trước đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Trà Nóc phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột B và theo thỏa thuận thu gom, xử lý nước thải giữa Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần Thơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Dòng thải số 01				
2	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
3	BOD ₅	mg/l	50		
4	TDS	mg/l	-		
5	TSS	mg/l	100		
6	N-NO ₃ ⁻	mg/l	-		
7	N-NH ₄ ⁺	mg/l	10		
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	-		
9	Sunfua	mg/l	0,5		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	-		
11	Coliform	MPN/100ml	5.000		
12	Dòng thải số 02				
13	Lưu lượng	mg/l	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
14	Nhiệt độ	mg/l	40		
15	Độ màu	mg/l	150		
16	pH	mg/l	5,5 - 9		
17	BOD ₅	mg/l	50		
18	COD	mg/l	150		
19	TSS	mg/l	100		
20	N-NH ₄ ⁺	mg/l	10		
21	Clo dư	mg/l	2		
22	TP	mg/l	6		
23	TN	mg/l	40		
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
25	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách biệt hoàn toàn so với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt: gồm nước thải từ nhà ăn và nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh tối đa 18 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt của công nhân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn và nước thải nhà ăn được dẫn về hệ thống xử lý

nước thải sinh hoạt $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý. Toàn bộ lượng nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung của khu công nghiệp Trà Nóc theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ.

- Nước thải sản xuất: phát sinh từ khu vực lò hơi là nước xả đáy lò hơi khoảng $03 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và nước thay mới tại bể đập bụi là $08 \text{ m}^3/\text{lần/quý}$, nước thải nhiễm dầu phát sinh khoảng $1 \text{ m}^3/\text{lần}$ phát sinh do rửa xe nâng hoặc xịt rửa khi xe nâng bị hỏng (tần suất phát sinh khoảng 2 tuần/lần). Đối với nước thải nhiễm dầu sẽ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải lò hơi $35 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Đối với nước xả đáy lò hơi và lượng nước thay mới tại bể đập bụi, lượng nước thải phát sinh sau khi được lọc bỏ cặn lắng sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải lò hơi công suất $35 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sau xử lý một phần được tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất và phần còn lại được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung của khu công nghiệp Trà Nóc theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ.

Nước thải của cơ sở cam kết đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B và theo thỏa thuận thu gom, xử lý nước thải giữa Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ và Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Proconco Cần Thơ (được dẫn về hố ga rồi theo đường ống dẫn về hệ thống cống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Trà Nóc).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại. Bể tự hoại có chức năng phân hủy các hợp chất hữu cơ, lắng cặn và nước trong sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý cùng nước thải từ nhà ăn.

- Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Chảy vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại và nước thải nhà ăn → Bể điều hoà → Bể sinh học cao tải (FBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp Trà Nóc.

+ Nước thải sản xuất (gồm nước xả đáy lò hơi, từ hệ thống xử lý khí thải và nước thải sau hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu) được xử lý tập trung tại hệ thống xử lý nước thải $35 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$: Nước thải nhiễm dầu → Hố thu gom nước thải 3 ngăn → Thiết bị tuyển nổi → Thiết bị OST → Bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải lò hơi $35 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Quy trình xử lý nước thải lò hơi công suất $35 \text{ m}^3/\text{ngày}$: Nước thải đầu vào (gồm nước xả đáy lò hơi, từ hệ thống xử lý khí thải và nước thải sau hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu) → Bể điều hoà → Ngăn điều chỉnh pH → Ngăn phản ứng keo tụ → Ngăn lắng → Ngăn chứa trung gian → Thiết bị lọc → Một phần được tái

sử dụng để dập bụi hệ thống xử lý khí thải lò hơi, một phần được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Trà Nóc.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Kiểm soát chặt chẽ quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Không xử lý quá tải công suất hệ thống

- Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra (03 tháng/lần).

- Nhà máy định kỳ bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Kiểm tra định kỳ nguồn điện. Cơ sở có bố trí nhân viên bảo trì có kinh nghiệm và thành thạo trong công việc thay thế và sửa chữa các thiết bị điện cũng như các chi tiết về cơ khí của thiết bị tiêu thụ điện.

- Khi sự cố xảy ra, phòng kỹ thuật và công nhân vận hành rà soát lại toàn bộ các thông số để điều chỉnh theo đúng thiết kế. Nếu không tự khắc phục được sẽ báo cáo với lãnh đạo cơ sở và liên hệ với đơn vị tư vấn xây dựng hệ thống xử lý để tìm ra các biện pháp khắc phục thích hợp. Sau khi khắc phục xong thường xuyên theo dõi chặt chẽ, đảm bảo hệ thống được vận hành ổn định, hiệu quả

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không phải thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải do đã có giấy phép thành phần theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: -

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải lò hơi 15 tấn/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải lò hơi 10 tấn/giờ (hệ thống dự phòng).
- Nguồn số 03: Khí thải lò hơi 10 tấn/giờ (hệ thống dự phòng).
- Nguồn số 04: Khí thải lò hơi 10 tấn/giờ (hệ thống dự phòng).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

Nhà máy hoạt động và xả khí thải chính là nguồn số 01, các nguồn khí thải còn lại (Nguồn số 2, 3, 4) và tất cả các nguồn xả khí thải được liên đầu nối thành 01 nguồn xả khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thải ra ngoài môi trường qua 01 ống khói (miệng xả); các hệ thống khí thải có tọa độ vị trí xả thải: X = 1117940 và Y = 0577568 (hệ tọa độ VN2000).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 45.000 m³/giờ.**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Khí thải được xả ra môi trường thông qua ống khói, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=0,9 và Kv=0,6).

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	108	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	270		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	459		
4	CO	mg/Nm ³	540		
5	HF	mg/Nm ³	10,8		
6	Lưu lượng	mg/Nm ³	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa

về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi chủ yếu phát sinh từ quá trình nghiền. Công ty đã trang bị các túi vải polyester để xử lý bụi tại công đoạn nghiền, các công đoạn khác thiết bị hoàn toàn khép kín nên không phát sinh bụi. Lượng bụi sau thu hồi sẽ được đưa vào công đoạn kế tiếp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải và bụi theo quạt hút và đường ống đi vào tháp, bên trong tháp có bố trí lớp lưới vật liệu bằng inox để lọc bụi, tháp có đường kính 1,2m; cao 2,5m, dòng khí sau đó tiếp tục đi vào bể lọc ướt, tại đây bụi và các chất khí độc hại được giữ lại, khí sạch thoát ra ngoài qua ống khói cao 15m, đường kính D800.

- Quy trình công nghệ xử lý bụi, khí thải: Khí thải → Tháp lọc bụi khô → Bể lọc ướt → Khí thải sau xử lý thải vào môi trường không khí.

- Quy trình công nghệ xử lý bụi túi lọc: Bụi → Quạt hút → Túi lọc → Thu gom bụi.

- Khí thải lò hơi khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, hệ số $K_p=0,9$ và $K_v=0,6$) trước khi thải ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: -

Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có):

- Bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải luôn hoạt động tốt.

- Định kỳ tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, thay thế vật tư trong thiết bị khi cần thiết.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời. Chuẩn bị một số thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như: bơm, quạt hút, các phụ tùng khác...

- Những người vận hành hệ thống xử lý khí thải phải được đào tạo về vận hành hệ thống xử lý khí thải; Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị; Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng do đã có giấy phép thành phần theo quy định

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có): -

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có): -

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: hoạt động sản xuất tại các xưởng sản xuất
- Nguồn số 02: hoạt động vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực sản xuất;
- Nguồn số 02: Trong khuôn viên nhà máy;

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Toàn bộ máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất được lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Cơ sở đã bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực.
- Cơ sở đã bố trí các thiết bị, máy móc gây ồn trong một khu vực chung và cách ly với các khu vực khác, giảm rung cho tất cả các thiết bị.
- Bộ phận bảo trì sửa chữa tại cơ sở định kỳ kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc trong quá trình lắp đặt và tiến hành bảo dưỡng, hiệu chỉnh định kỳ.
- Đối với các thiết bị có công suất lớn cơ sở lắp đặt các đệm chống rung
- Kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -
- 2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1⁴ /GPMT-UBND ngày 13 tháng 02
năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh: khoảng 415 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	30	16 01 06
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	355	17 06 03
3	Ắc quy chì thải	Rắn	30	19 06 01
Tổng cộng			415	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh gồm: Bột cám lẫn cát bụi: 3,55 tấn/năm; Tro trấu: 1.256,4 tấn/năm; Thủy tinh thải: 110 kg/năm; Bao PE: 311 kg/năm; Sắt phế liệu: 15,86 tấn/năm; Bùn thải: 4.905 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 63.120 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom, phân loại, chứa trong các thùng chuyên dụng (trang bị 04 thùng chứa 240l riêng biệt cho từng loại chất thải nguy hại, dạng thùng kín, có nắp đậy, có dán nhãn, tên chất thải), sau đó được lưu giữ tại kho chứa CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 91m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kho chứa có mái che đảm bảo không bị ảnh hưởng bởi nước mưa. Bên ngoài khu vực lưu giữ chất thải được gắn các biển cảnh báo, có trang bị dụng cụ PCCC.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với bột cám lẫn cát bụi được thu gom cho vào bao cột kín miệng và lưu giữ tạm thời ở khu vực chứa (70 m^2), sau đó định kỳ bàn giao cho Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) cùng với bùn thải, thủy tinh thải.

- Đối với tro trấu: được thu gom cho vào bao chứa cột kín miệng và lưu giữ tạm thời ở khu vực chứa củi trấu (70 m^2), sau đó bán cho Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Anh Duyệt.

- Đối với bao PE, sắt phế liệu được phân loại, thu gom và lưu giữ trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và định kỳ bán cho cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 100 m^2 .

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực kho chứa được bố trí có mái che để tránh ảnh hưởng của nước mưa chảy tràn, kết cấu nền bê tông, mái tole.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Công ty đã trang bị các sọt rác nhỏ tại khu vực văn phòng, bố trí các thùng 120l tại khu vực căn tin, công bảo vệ và khu vực các xưởng sản xuất. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sau mỗi ca làm được thu gom và phân loại, đối với các loại chất thải hữu cơ dễ phân huỷ (thức ăn thừa, rau cải hư hỏng từ căn tin,...) được thu gom và chứa trong thùng chứa 120L riêng biệt với các loại chất thải vô cơ (chai nhựa, hộp chứa, túi nilong,...) được chứa trong thùng chứa 240L đặt tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực tập kết: $45,5 \text{ m}^2$

- Mỗi cuối ngày nhân viên vệ sinh tập kết rác từ các thùng chứa vào thùng chứa rác chính đặt ở khu vực tập kết, và bàn giao cho Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ đến thu gom mỗi ngày, vận chuyển và xử lý theo quy định, với tần suất 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Chủ dự án thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

** Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải:*

Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố từ hệ thống xử lý nước thải được cơ sở thực hiện như sau:

- Nhân viên vận hành luôn kiểm soát chặt chẽ quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Không xử lý quá tải công suất hệ thống.

- Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra (3 tháng/lần).

- Nhà máy định kỳ bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Kiểm tra định kỳ nguồn điện. Cơ sở có bố trí nhân viên bảo trì có kinh nghiệm và thành thạo trong công việc thay thế và sửa chữa các thiết bị điện cũng như các chi tiết về cơ khí của thiết bị tiêu thụ điện.

- Khi sự cố xảy ra, phòng kỹ thuật và công nhân vận hành rà soát lại toàn bộ các thông số để điều chỉnh theo đúng thiết kế. Nếu không tự khắc phục được sẽ báo cáo với lãnh đạo cơ sở và liên hệ với đơn vị tư vấn xây dựng hệ thống xử lý để tìm ra các biện pháp khắc phục thích hợp. Sau khi khắc phục xong cần thường xuyên theo dõi chặt chẽ, đảm bảo hệ thống được vận hành ổn định, hiệu quả.

- Khi hệ thống xử lý gặp sự cố sẽ nhanh chóng xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố.

** Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải:*

Cơ sở thực hiện các phương án như sau:

- Trang bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, bơm.

- Cán bộ vận hành các công trình xử lý khí thải được đào tạo các kiến thức về:

+ Nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý.

+ Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

+ Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp: lập tức báo cáo cấp trên khi có sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

+ Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

+ Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì cơ sở sẽ ngưng hoạt động công đoạn phát sinh hơi hóa chất để sửa chữa và khắc phục, khi nào khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục sản xuất.

** Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với lò hơi và hệ thống ống dẫn hơi*

- Khi gặp sự cố cơ sở thực hiện đúng quy định về dừng lò hơi khẩn cấp, giữ nguyên hiện trường và báo cáo cho cấp quản lý.



- Mọi sự cố xảy ra và cách xử lý sự cố được cơ sở ghi chép đầy đủ vào sổ giao ca, báo cho cán bộ quản lý, bộ phận an toàn của cơ sở.

- Các sự cố có ảnh hưởng đến độ bền của lò hơi cũng được cơ sở ghi chép vào lý lịch nồi hơi, nguyên nhân, cách xử lý, sau đó tiến hành kiểm tra lại độ bền của nồi hơi.

- Kiểm định lò hơi định kỳ (1 năm/lần).

** Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố từ kho chứa chất thải nguy hại:*

- Bên ngoài khu vực được trang bị bình chữa cháy và dụng cụ bảo hộ lao động, ứng cứu sự cố từ kho chứa.

- Kho chứa CTNH được bảo quản ngăn nắp, gọn gàng, không để rò rỉ dầu nhớt ra bên ngoài. Khoảng cách giữa các thùng được đảm bảo, lối đi trong kho thông thoáng, rộng rãi, các biển cảnh báo CTNH được dán đúng quy định.

- Kiểm tra giám sát thường xuyên để phát hiện các dấu hiệu bất thường khi sự cố xảy ra.

** Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu:*

Hoạt động của cơ sở cũng phát sinh dầu từ các khu vực sau: từ kho chứa chất thải nguy hại, từ hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu, khu vực cảng, khu vực rửa xe nâng và bảo trì xe nâng. Chủ dự án thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu cơ sở.

** Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn đổ hoá chất:*

Hoạt động của cơ sở có sử dụng đến hoá chất cụ thể: hoá chất sử dụng trong lò hơi là A100 với khối lượng khoảng 21.600 kg/năm để xử lý cặn lò hơi, và hoá chất dùng cho hệ thống xử lý nước thải là Poly Aluminium Chloride (PAC) khoảng 50 kg/năm và Chlorine khoảng 73 kg/năm. Toàn bộ lượng hoá chất sử dụng tại cơ sở được chứa trong kho chứa hoá chất 12 m². Để phòng ngừa và ứng phó sự cố hoá chất cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Công tác kiểm tra được nhân viên phụ trách an toàn lao động thực hiện cả bên trong và bên ngoài khu vực chứa hoá chất, kiểm tra các dụng cụ thiết bị ứng phó sự cố, hệ thống báo động và thông tin liên lạc.

- Tại khu vực chứa hóa chất, khu lò hơi, ... và các công đoạn sản xuất của Cơ sở có trang bị hệ thống báo cháy tự động, có gắn chuông báo động và có danh sách đội ứng phó và sơ đồ hướng dẫn ứng phó khi tình huống khẩn cấp xảy ra. Ngoài ra cơ sở còn có trang bị hệ thống chữa cháy vách tường và các bình chữa cháy bằng CO₂, bằng bột.

- Cơ sở đã thành lập tổ ứng phó sự cố hoá chất và các thành viên trong tổ đã được huấn luyện và nắm vững kỹ thuật xử lý sự cố tràn đổ, cháy nổ hóa chất.

- Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

- Khi xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất cần phải thực hiện ngay các biện pháp phòng ngừa, ứng phó cơ bản như sau:

+ Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Thông gió diện tích tràn đổ hoặc rò rỉ hóa chất, cách ly mọi nguồn đánh lửa, mang bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, hấp thụ hóa chất tràn đổ bằng chất liệu trơ (như cát, đất v.v...) sau đó đựng trong thùng chứa chất thải nguy hại (thùng rác có nắp đậy kín).

+ Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng: Thông gió khu vực tràn đổ hoặc rò rỉ hóa chất, hủy bỏ tất cả các nguồn lửa, mang bảo hộ lao động phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất. Hấp thụ hóa chất tràn đổ bằng chất liệu trơ (như cát, đất v.v...), không sử dụng chất liệu dễ cháy (như mùn cưa) để hấp thụ hóa chất có tính dễ cháy, sau đó đựng trong thùng chứa chất thải nguy hại (thùng rác có nắp đậy kín)...

- Sau mỗi lần kiểm tra phải có báo cáo tình hình an toàn của hóa chất và môi trường của khu vực chứa hóa chất gửi Giám đốc, hồ sơ lưu để tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng và 1 năm tình hình an toàn hóa chất về cho Sở Công thương thành phố Cần Thơ.

** Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ sông và khu vực cầu cảng*

Cơ sở đã xây dựng bờ kè bê tông cốt thép và cầu cảng tại bến của cơ sở. Trong quá trình khai thác, cơ sở luôn tuân thủ các quy định sau:

- Luật giao thông đường thủy nội địa;
- Các quy định hiện hành về quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa;
- Các quy định về phòng cháy, nổ, ô nhiễm môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Ban hành nội quy bến cảng.

** Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ*

Tại cơ sở, khu vực các kho chứa nguyên liệu, kho chứa trấu và cùi trấu, bể chứa dầu, kho bao bì là nơi có khả năng xảy ra sự cố cháy nổ cao nhất. Cơ sở đã trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ phòng cháy chữa cháy và đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

** Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động*

- Cơ sở đã thành lập phòng y tế để chăm sóc công nhân trong trường hợp khẩn cấp.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân (02 bộ đồng phục bảo hộ lao động/người, nón, giày bảo hộ).

- Quy định tốc độ của các phương tiện vận chuyển trong khu vực công ty.

- Định kỳ tập huấn cho công nhân về an toàn lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân 01 lần/năm.

- Hệ thống điện được đặt trên cao và kiểm tra thường xuyên, công nhân phụ trách điện được trang bị bảo hộ lao động không dẫn điện và các dụng cụ sử dụng an toàn điện như dây bảo hiểm, thang, kìm cách điện, mũ an toàn...

** Phương án phòng ngừa, ứng phó ngập do triều cường, mưa lớn*

Tại cơ sở có cao trình cao, ít xảy ra vấn đề ngập lụt. Tuy nhiên, để phòng ngừa sự cố ngập do triều cường kết hợp mưa lớn, tại cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Theo dõi dự báo thời tiết, khí tượng thủy văn đặc biệt vào các tháng 7-10a1;
- Cơ sở bố trí đường dây điện trên cao để tránh tình trạng ngập nước ảnh hưởng đến hệ thống điện;
- Cơ sở cũng bố trí máy bơm dự phòng để bơm trong trường hợp nước ngập nhiều;
- Đối với nguyên liệu tại cơ sở được đặt trên các miếng pallet để tránh tình trạng ngập nước làm ảnh hưởng./.